ĐỀ ÔN CHƯƠNG TRÌNH DỊCH

**Câu 1** Trong cây suy dẫn , nhãn của nút gốc là ký hiệu nào?

1. Ký hiệu kết thúc hoặc ký hiệu chưa kết thúc
2. Ký hiệu kết thúc
3. Ký hiệu bắt đầu
4. Ký hiệu chưa kết thúc

**Câu 2** Mỗi lần xác định trạng thái tiếp theo . Otomat đọc?

1. Ý khác
2. 1 xâu
3. 1 từ
4. 1 ký tự

**Câu 3**

A → aS (1)

A → bS (2)

S → cS (3)

S → bS (4)

S → d (5)

Xâu x: bccd. Phần phân tích như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Stack | Buffer | Hành động |
| (0) | … | bccd$ | Triển khai sx … |
| (1) | … | … |  |

Điền vào các vị trí “...” Các giá trị theo thứ tự để có phần phân tích đúng?

1. A$, (2), $, ccd$
2. A$, (2), bS$, bccd$
3. $, (4), $b, ccd$
4. S$, (4), bS$, bccd$

**Câu 4** Cho văn phạm G : **S 🡪 aA | bA**

**A 🡪 cA | bA | d**

Xâu x: abcbd

Hỏi bao nhiêu bước thì xâu x được đoán nhận bằng phân tích cú pháp từ trên xuống?

1. 9
2. 12
3. 11
4. 10

**Câu 5** Xác định xâu được sinh ra từ cây suy dẫn phải , ta đọc các nút như thế nào?

1. Đọc tất cả các nút theo tứ tự trái, giữa , phải
2. Đọc tất cả các nút từ trái sang phải
3. Đọc các nút lá từ phải sang trái
4. Đọc các nút lá từ trái sang phải

**Câu 6** Cho 2 ngôn ngữ L1 =(a,b) và L2 =(0,1). Xâu nào thuộc ngôn ngữ L1, L2?

1. a01,b01
2. a1,a1b0
3. a0,b0
4. aab10b1a

**Câu 7** Chọn ý đúng nhất?

1. Tất cả các ý đều đúng
2. Từ tố là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa
3. Các từ tố ghép tiếp với nhau tạo thành câu lệnh
4. Từ tố được tạo từ sự ghép tiếp của các ký tự trong bô ký tự của ngong ngữ lập trình

**Câu 8** Cho bản chữ V ={ a, b, c} . Xâu nào thuộc tập V\*?

1. Tất cả các xâu trên
2. Abacaaa
3. Aabbcab
4. Abc

**Câu 9** Khi otomat dừng hoạt động ở trạng thái kết thúc không có dấu “ \*” thì ?

1. Ký tự vừa đọc không nối vào từ tố , không tăng con trỏ đến ký tự tiếp theo trong xâu vào.
2. Ký tự vừa đọc không nối vào từ tố , tăng con trỏ đến ký tự tiếp theo trong xâu vào.
3. Ký tự vừa đọc được nối vào từ tố, tăng con trỏ đến ký tự tiếp theo trong xâu vào.
4. Ký tự vừa đọc được nối vào từ tố, không tăng con trỏ đến ký tự tiếp theo trong xâu.

**Câu 10** Cho văn phạm G :

**S 🡪 S H | S B | H**

**H 🡪 a| b| c**

**B 🡪 0|1**

Các xâu được sinh ra từ G ?

1. a10aa1b1 , b1cc11c
2. ca1c01b, 0a1bba011c
3. 1aacb10, c1abcc0a1
4. 01bcaa1y1, bb10a1cb

**Câu 11** Otomat sử dụng trong phân tích từ vựng?

1. Otomat hữu hạn đơn định
2. Otomat hữu hạn không đơn định
3. Ý khác
4. Otomat hữu hạn

**Câu 12** Hàm Thi sau thực hiện chức năng gì?

Void **Thi**(unsigned char c, unsigned char \*tk){

\*(tk +strlen(tk) +1)=’\0’;

\*(tk+strlen(tk))=c;}

1. Ý kiến khác
2. Nối c vào tk’
3. Chèn c vào đầu tk
4. Chèn c vào vị trí số 1 của tk

Câu 13 Cho văn phạm G:

**S->bA (1)**

**A-> aA (2)**

**A->c (3)**

Xâu x:bac

Hỏi bao nhiêu bước thì xâu x được đoán nhận bằng phân tích cú pháp từ trên xuống?

1. 3
2. 4
3. 6
4. 7

**Câu 14** Cho các văn phạm:

G1: S 🡪 A a | A b

A 🡪 a A | b A | a

G2 : S 🡪 A B

A 🡪 A a | A b | a

B 🡪 a | b

G3: S 🡪 S a | S b | a

G4 : S 🡪 a A

A 🡪 a A | b A | a | b

Xâu abaaba được sinh ra từ văn phạm nào?

1. G1
2. G1 , G2 , G3 , G4
3. Đáp án khác ( G2, G3 , G4 )
4. G2 và G3

**Câu 15** Xâu (01)3 là xâu nào?

1. 111
2. 010101
3. 10101
4. 1

**Câu 16** Cho văn phạm G : **S 🡪 S+S| S-S|S\*S|S/S| (S) |a**

Có mấy cây suy dẫn sinh ra xâu a – a \* (a \*a + a )?

1. Giá trị khác
2. 1
3. 2
4. 4

**Câu 17** Chọn ý đúng nhất?

1. Trong văn phạm đơn nghĩa , mọi xâu được sinh ra từ một cây suy dẫn duy nhất.
2. Trong văn phạm nhập nhằng, mọi xâu được sinh ra từ các cây suy dẫn khác nhau.
3. Trong văn phạm nhập nhằng, một xâu được sinh ra từ 2 cây suy dẫn khác nhau .
4. Trong văn phạm đơn nghĩa , tồn tại một xâu được sinh ra từ một cây suy dẫn duy nhất.

**Câu 18** Cho bản chữ V = { 0,1}. Ngôn ngữ nào được xây dựng trên V?

1. Số nhị phân có dấu
2. Tất cả các phương án
3. Số nhị phân chẵn
4. Số nhị phân không dấu

**Câu 19** Cho văn phạm G :

**S 🡪 A a | A b**

**A 🡪 a A| b A | a**

Văn phạm nào sau đây tương đương với G?

1. S 🡪 A B

A 🡪 A a| A b | a

B 🡪 a | b

1. Cả 3 văn phạm
2. S 🡪 a A

A 🡪 a A | b A | a | b

1. S 🡪 S a | S b | a

**Câu 20** Các đặc trưng của ngôn ngữ lập trình bậc cao là gì?

1. Có tính hiệu quả , có tính tự nhiên , có tinh đa dạng , có tính thích nghi
2. Có tính đa dạng, tính hiệu quả
3. Có tính thích nghi, có tính tự nhiên, có tính đa dạng
4. Có tính tự nhiên, có tính hiệu quả, có tính đa dạng

**Câu 21:** Cho văn phạm G = ( ∑,∆, S , P ) trong đó:

∑ : { abc , cde , h}

∆ : { S , A}

S : S

P : S🡪 abcS | cdeA

A🡪 h

**I = { S 🡪 . abcS ; S 🡪.cdeA; S 🡪 abc.S}**

Xác định Goto(I, abc)= ?

1. { S 🡪 abcS.}
2. { S 🡪 abc.S ; S 🡪 abcS. ; S 🡪 .abcS ; S 🡪 .cdeA}
3. { S 🡪 a.bcS ; S 🡪 . abcS ; S 🡪 .cdeA}
4. { S 🡪 abc.S ; S 🡪.abcS ; S 🡪.cdeA}

**Câu 22** Xâu x được đoán nhận khi tra bằng SLR ở phần Action trúng vào ô có giá trị?

1. Sj
2. Accept
3. Rỗng
4. Rj

**Câu 23** Chọn ý đúng nhất?

1. Trình biên dịch là dịch một chương trình nguồn thành một chương trình đích
2. Khi chạy chương trình đích , người sử dụng không cung cấp dữ liệu.
3. Tất cả các ý sai
4. Trình biên dịch có thời gian dịch nhỏ hơn thời gian thực thi

**Câu 24** Phần tử đứng ở đỉnh stack trước khi tra bảng SLR ở phần Action là gì?

1. Trạng thái
2. Ký hiệu kết thúc
3. Trạng thái và $
4. Ký hiệu chưa kết thúc

**Câu 25:** Có mấy cách để biểu diễn hàm chuyển trạng thái của otomat hữu hạn đơn định

1. 2
2. 1
3. 3
4. Giá trị khác

**Câu 26:** Cho văn phạm ưu tiên toán tử G

S 🡪 C ; H

H 🡪 type ID= A var B (2)

C 🡪 const ID = N

A 🡪 byte ; | real;

ID 🡪 a | b | c

B 🡪 ID : A

N 🡪 5

Trong sxuat (2) có bao nhiêu cặp ký hiệu

1. 2
2. 3
3. Giá trị khác
4. 6

**Câu 27** Cho văn phạm ưu tiên toán tử G

S 🡪 C ; H

H 🡪 type ID= A var B (2)

C 🡪 const ID = N

A 🡪 byte ; | real;

ID 🡪 a | b | c

B 🡪 ID : A

N 🡪 5

Xét cặp ký hiệu “ var” và “B” trong sxuat (2) ta được mối quan hệ ưu tiên nào?

1. Var kém ưu tiên hơn a | b | c
2. **Var kém ưu tiên hơn a | b | c :**
3. Var kém ưu tiên hơn;
4. Var ưu tiên bằng B

**Câu 28:** Cho văn phạm G = ( ∑,∆, S , P ) trong đó:

∑ : { abc , cde , h}

∆ : { S , A}

S : S

P : S🡪 abcS | cdeA

A🡪 h

I = { S 🡪.abcS ; S 🡪 abc .S}

Xác định Goto ( I,a) =?

1. { S 🡪 a.bcS}
2. { S🡪 abc.S}
3. { S 🡪 abcS.}
4. Ý kiến khác

**Câu 29:** Xâu x: id\*(id+id). Phần phân tích như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Stack | Buffer | Hành động |
|  | $0 T 2 \* 7 ( 4 E 8 + 6 T 9 | )\*id$ | … |
|  | … | … |  |

Điền vào các vị trí “...” Các giá trị theo thứ tự để có phần phân tích đúng?

1. R1(E→E+T), $0 T 2 \* 7 ( 4 E 8, )\*id$
2. R1(E→E+T), $0 T 2 \* 7 ( 4 E, )\*id$
3. R1, $0 T 2 \* 7 ( 4 E 8 + 6 T 9 ) 1, )\*id$
4. R1(E→E+T), $0 T 2 \* 7 ( 4 E 8 E, )\*id$

**Câu 30:**Cho văn phạm G = ( ∑,∆, S , P ) trong đó:

∑ : { abc , cde , h}

∆ : { S , A}

S : S

P : S🡪 abcS | cdeA

A🡪 h

Tính Closure( { S 🡪 abc.S ; S 🡪.cdeA}) =?

1. { S 🡪abcS. ; S🡪 cde.A}
2. { S🡪 abc.S ; S 🡪 .abcS ; S 🡪 .cdeA}
3. { S 🡪 abc.S ; S 🡪 .cdeA}
4. { S 🡪 abc.S ;S 🡪.abcS ; S 🡪 .cdeA ; S🡪.cdeA}

**Câu 32** Cho văn phạm O:

S → B (1)

B → R (2)

B → (B) (3)

R → E=E (4)

E → a (5)

E → b (6)

E → (E+E) (7)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Dạng câu | Cán | Sx dùng |
| (0) | (a=(b+a)) | a | … |
| (1) | … | b | … |

Điền vào các “...” Theo thứ tự cho hợp lý?

1. (5), (E=(b+a)), (6)
2. (5), (E=(b+a)), (7)
3. (5), (a=(b+E)), (6)
4. (6), (a=(E+a)), (5)

**Câu 33:** Sau khi hoạt động của otomat hữu hạn đơn định kết thúc trong phân tích từ vựng sẽ?

1. Đoán nhận được tất cả các xâu vào
2. Cắt được 1 từ số
3. Đóa nhận 1 xâu vào
4. Cắt được nhiều từ số

**Câu 34** : Cho văn phạm G :

S 🡪 S A | S B | A

A 🡪 x | y

B 🡪 0 | 1

Các xâu được sinh ra từ G ?

1. 01xy1y10, y101xy0
2. x10xyy1x1 , yx01yx11
3. 1xxxyy10 , xy1yyxy01
4. y0x11y0 , 00x1yy110

**Câu 35 :** Đề như câu 32 khác câu hỏi

Cho văn phạm O

S → B (1)

B → R (2)

B → (B) (3)

R → E=E (4)

E → a (5)

E → b (6)

E → (E+E) (7)

Xâu x: (a=(b+a))

Áp dụng phân tích cú pháp từ trên xuống

S ⇒ B ⇒ (B) ⇒ (R) ⇒ … ⇒ …

Chọn thứ tự các sản xuất được áp dụng tiếp để sinh ra

1. (3), (4), (5), (5), (6)
2. (4), (7), (5), (6), (5)
3. (7), (4), (6), (5), (5)
4. (4), (3), (6), (6), (5)

**Câu 36:** Có mấy cách để biểu diễn hàm chuyển trạng thái của otomat hữu hạn đơn định?

1. 3
2. giá trị khác
3. 2
4. 1

**Câu 37:** Ký hiệu $ trong hoạt động phân tích cú pháp là đại diện cho?

1. Tập rỗng
2. Đáy của stack hay buffer
3. Ký hiệu bắt đầu đặt vào stack
4. Ký hiệu rỗng

**Câu 38:** Xâu (001)3 là xâu nào?

1. 1
2. 001001001
3. 1001001
4. 111

**Câu 39:** Giá trị tại các ô trong phần Goto của bảng SLR có thể là?

1. Rj
2. Trạng thái
3. Sj
4. khả năng khác

**Câu 40:** Trong phương pháp ưu tiên toán tử, hành động rút gọn được thực hiện khi nào?

1. Khi ký hiệu kết thúc đứng gần đỉnh stack nhất ưu tiên hơn ký hiệu đứng ở đỉnh buffer
2. Khi ký hiệu kết thúc đứng gần đỉnh stack nhất kém ưu tiên hơn hay ưu tiên bằng ký hiệu đứng ở đỉnh buffer
3. Khi ký hiệu đứng ở đỉnh stack ưu tiên hơn ký hiệu đứng ở đỉnh buffer
4. Khi ký hiệu đứng ở đỉnh stack kém ưu tiên hơn ký hiệu đứng ở đỉnh buffer

**Câu 41:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trạng |  |  |  | Action |  |  |  | Goto |  |
| thái | id | + | \* | ( | ) | $ | E | T | F |
| 4 | S5 |  |  | S4 |  |  | 8 | 2 | 3 |
| 5 |  | R6 | R6 |  | R6 | R6 |  |  |  |
| 6 | S5 |  |  | S4 |  |  |  | 9 | 3 |
| 7 | S5 |  |  | S4 |  |  |  |  | 10 |
| 8 |  | S6 |  |  | S11 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |